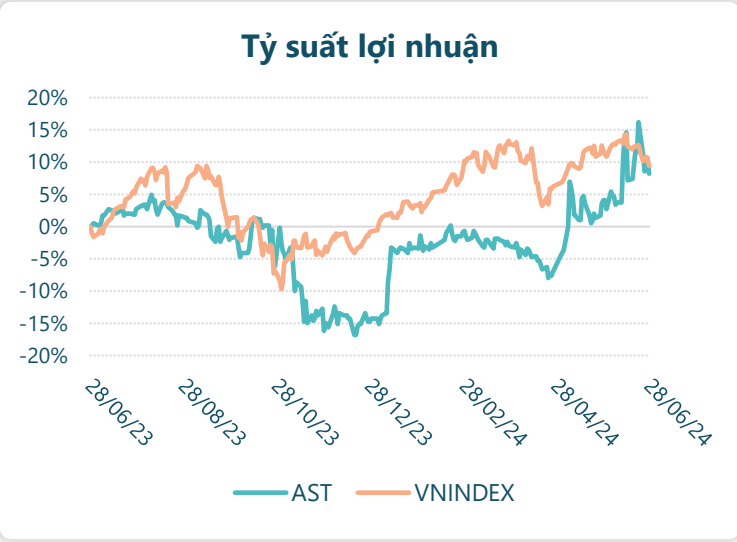


Ngày	62,500 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	2.6%	11.6%	25.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	48,041 - 67,100
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,813
Số lượng CPLH (CP)	45,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	32,635
Sở hữu nước ngoài	43.3%
Beta	0.57
EPS	2,803
P/E	22.3



Doanh thu thuần
Q2/24

310

tỷ VNĐ

QoQ: ▼30.0 | -8.9%

YoY: ▲48.0 | 18.2%

Nợ/VCSH
Q2/24

31.4%

YoY: +/-▲2.1%

LN gộp
Q2/24

188

tỷ VNĐ

QoQ: ▼18.0 | -8.5%

YoY: ▲35.0 | 23.2%

ROE (TTM)
Q2/24

22.1%

YoY: +/-▼0.5%

LN trước thuế
Q2/24

54.7

tỷ VNĐ

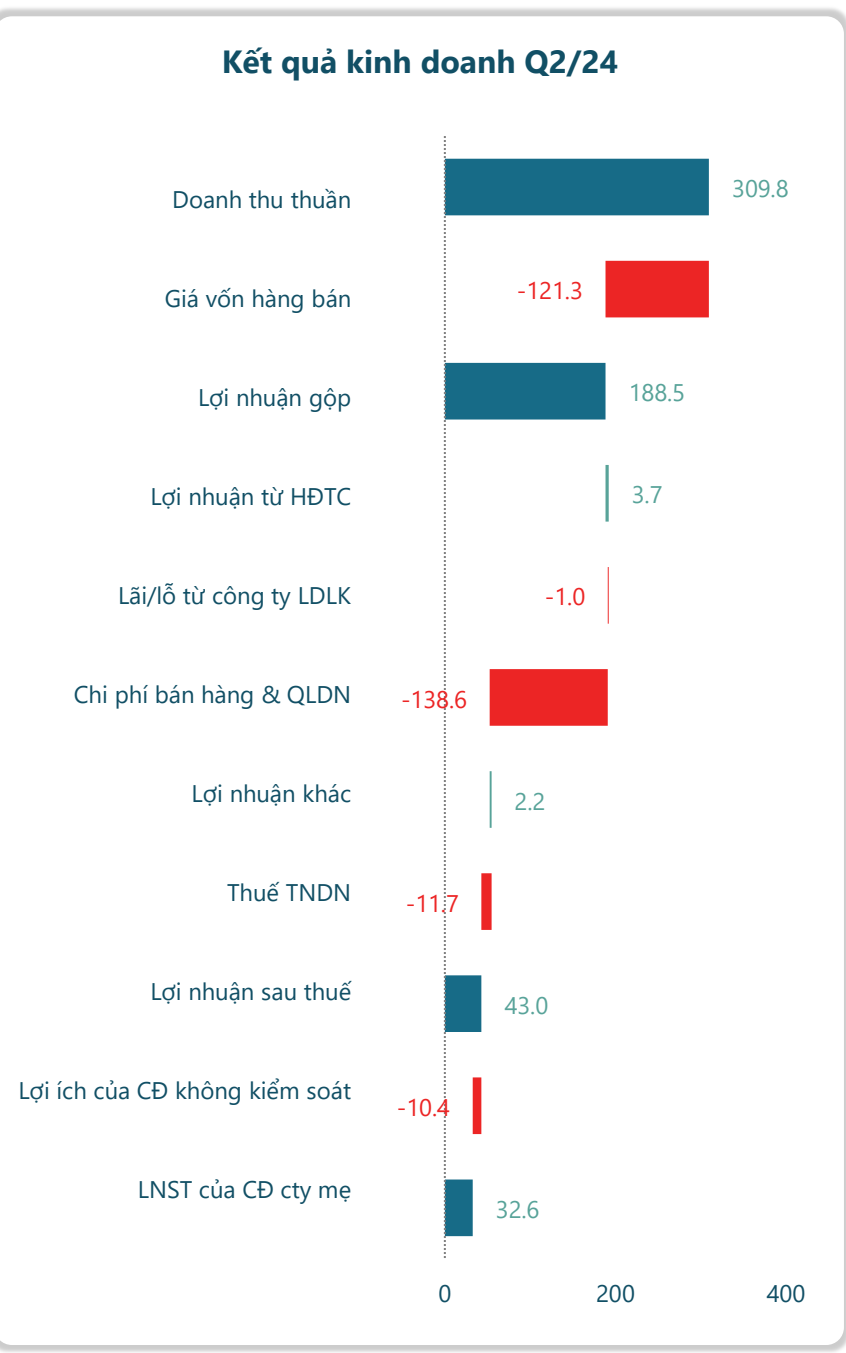
QoQ: ▼8.20 | -13.0%

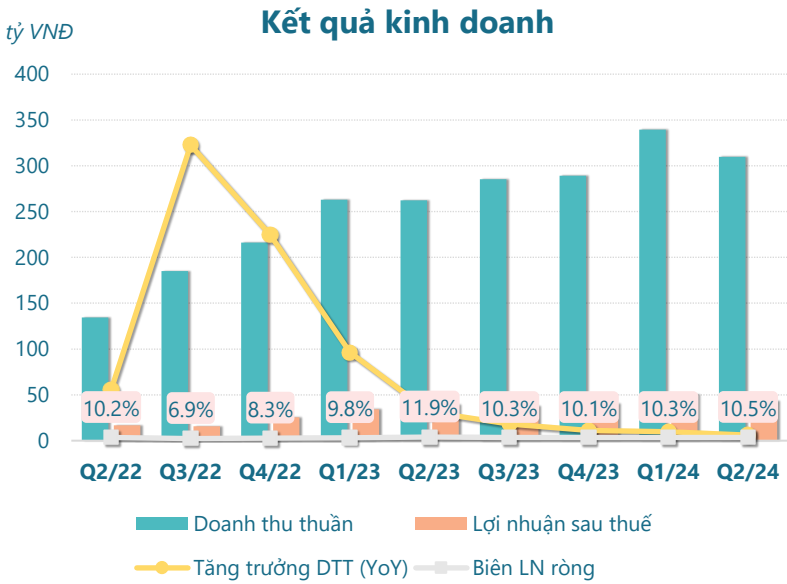
YoY: ▲9.90 | 22.1%

ROA (TTM)
Q2/24

17.2%

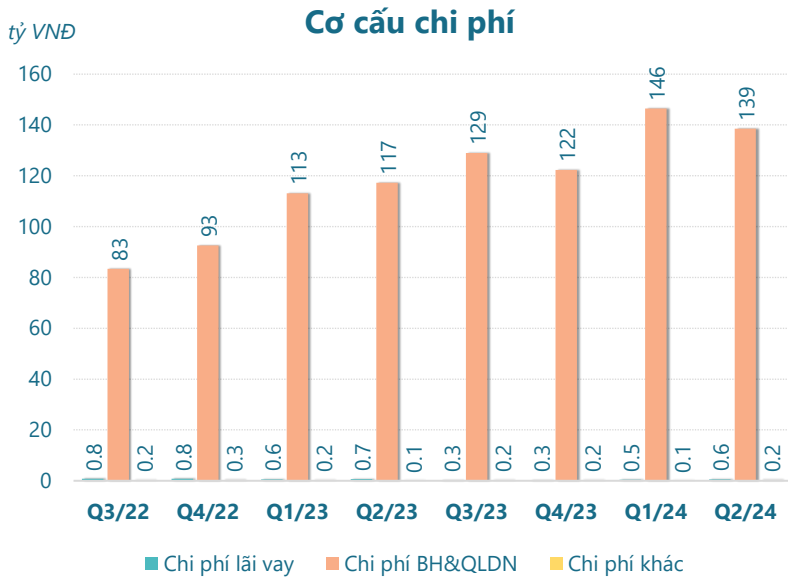
YoY: +/-▼0.8%





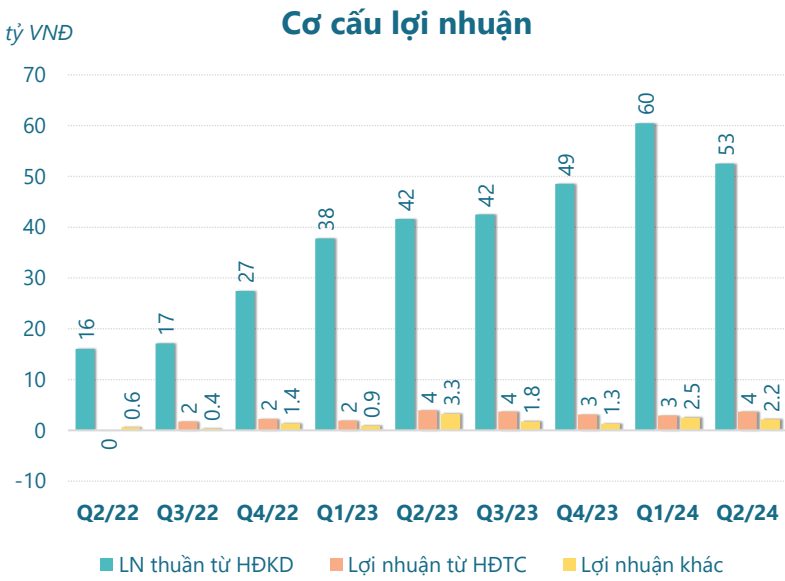
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 52.53 tỷ đồng**, giảm đi 13.1% so với kỳ trước và cao hơn 26.3% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lãi 3.68 tỷ đồng**, tăng thêm 25.2% so với kỳ trước và thấp hơn 6.84% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 2.17 tỷ đồng**, giảm đi 11.8% so với kỳ trước và thấp hơn 33.4% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **AST** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **309.8 tỷ đồng** tăng thêm **18.2%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 43.00 tỷ đồng**, **tăng trưởng 10.4%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **649.0 tỷ đồng** cao hơn 23.6% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 93.00 tỷ đồng** cao hơn 27.4% so với cùng kỳ năm trước.



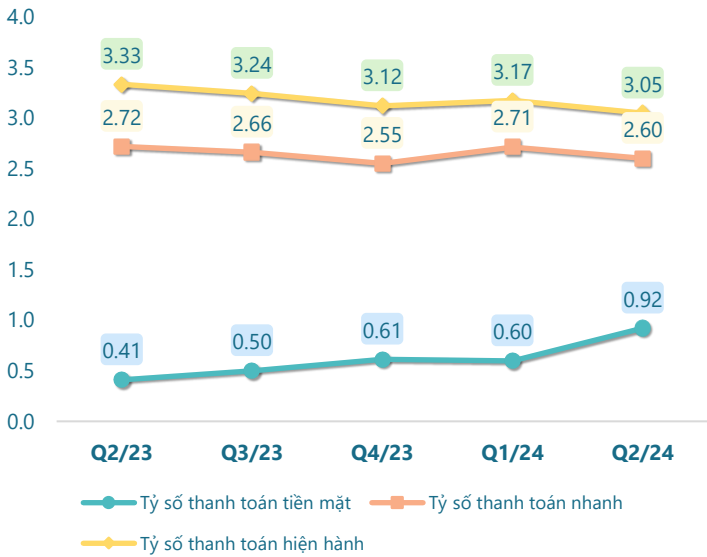
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **0.57 tỷ đồng** tăng thêm 26.7% so với kỳ trước và thấp hơn 20.8% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **138.6 tỷ đồng** giảm đi 5.36% so với kỳ trước và cao hơn 18.2% so với cùng kỳ năm trước.

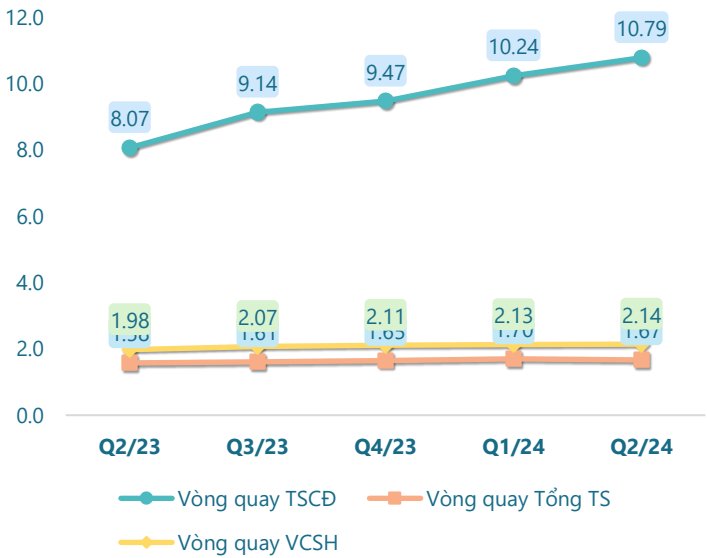
Chi phí khác bằng **0.23 tỷ đồng** tăng thêm 130% so với kỳ trước và cao hơn 229% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	310	340	-8.9%	262	18.2%	649	525	23.6%
Giá vốn hàng bán	121	133	-8.8%	109	11.3%	254	224	13.7%
Lợi nhuận gộp	188	206	-8.5%	153	23.2%	395	301	31.0%
Doanh thu HĐTC	4.21	4.82	-12.7%	4.37	-3.7%	9.03	7.94	13.6%
Chi phí TC	0.53	1.88	-71.8%	0.42	26.2%	2.41	2.09	15.2%
Chi phí lãi vay	0.57	0.45	26.3%	0.72	-21.1%	1.02	1.30	-21.3%
LN trong công ty LKLD	-1.04	-2.45	57.7%	2.13	-149%	-3.48	2.53	-238%
Chi phí bán hàng	91.3	98.2	-7.1%	76.6	19.1%	190	149	26.8%
Chi phí QLDN	47.3	48.2	-1.8%	40.7	16.3%	95.5	81.0	17.9%
LN thuần từ HĐKD	52.5	60.5	-13.2%	41.6	26.3%	113	79.4	42.4%
Lợi nhuận khác	2.17	2.46	-11.6%	3.26	-33.3%	4.64	4.19	10.8%
LN trước thuế	54.7	62.9	-13.0%	44.8	22.1%	118	83.5	40.8%
Lợi nhuận sau thuế	43.0	50.1	-14.2%	38.9	10.5%	93.1	73.3	27.0%
LNST của CĐ cty mẹ	32.6	34.9	-6.5%	31.2	4.6%	67.6	57.0	18.5%

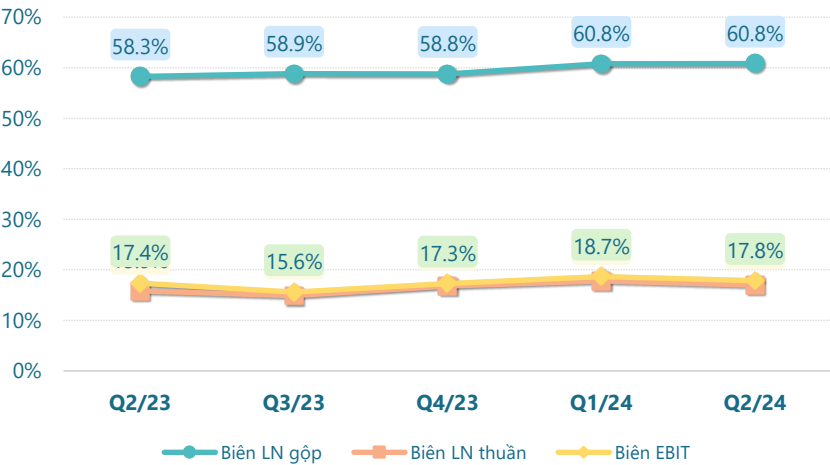
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi

